

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH BẮC NINH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẾ VÕ

Nguyễn Phương Lê*, Nguyễn Thị Hải Ninh**

Tương tự như nhiều quốc gia khác trên thế giới, chính sách hỗ trợ của Chính phủ là đòn bẩy quan trọng thúc đẩy sự phát triển của sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chính sách vẫn còn nhiều bất cập nảy sinh. Với những thông tin thu thập từ nhiều nguồn và bằng các phương pháp khác nhau, bài viết đã chỉ ra rằng chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ở huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đã mang lại những tác động tích cực đáng kể như góp phần làm tăng năng suất và sản lượng lúa chất lượng cao, góp phần giải quyết an ninh lương thực trên địa bàn huyện; mở rộng diện tích cây trồng hàng hóa vụ đông, qua đó cải thiện đáng kể thu nhập cho một bộ phận nông dân; thúc đẩy chuyển dịch nông nghiệp của huyện theo hướng hàng hóa... Bên cạnh đó, quá trình thực thi chính sách cũng còn nhiều hạn chế như thủ tục tiếp nhận hỗ trợ phức tạp, mức hỗ trợ thấp, người dân khó tiếp cận với chính sách...

Từ khóa: Chính sách, Hỗ trợ, Nông nghiệp, Sản xuất

1. Đặt vấn đề

Từ ngày 7 tháng 11 năm 2006 Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), hệ thống chính sách kinh tế nói chung và chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp nói riêng đã và đang thay đổi để vừa tuân thủ và khai thác triệt để các định chế của WTO về hỗ trợ, ưu đãi cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn; vừa phù hợp với điều kiện của nền kinh tế mà tỷ trọng lao động sống phụ thuộc vào nông nghiệp còn khá lớn.

Quế Võ là một trong những địa phương có tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh ở tỉnh Bắc Ninh, diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi phục vụ cho xây dựng các khu công nghiệp và khu đô thị rất lớn. Vì vậy, vấn đề sử dụng có hiệu quả đất nói riêng và những nguồn lực khác nói chung trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Những năm gần đây, bên cạnh việc triển khai các chính sách của Nhà nước và của tỉnh Bắc Ninh, huyện Quế Võ cũng đã ban hành và thực hiện hàng loạt các biện pháp khác nhau nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp. Mặc dù vậy, cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào về tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất

nông nghiệp ở huyện để trả lời cho các câu hỏi: Các lĩnh vực chủ yếu mà huyện tập trung hỗ trợ trong sản xuất nông nghiệp là gì? Các biện pháp hỗ trợ của huyện có phù hợp với các điều khoản của WTO không? Kết quả đạt được khi thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất là gì? Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện có phù hợp với nguyện vọng của người dân không? Giải pháp nào để cải thiện kết quả và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện? Bài viết tập trung phân tích tình hình thực thi một số chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ở huyện Quế Võ trong giai đoạn 2010 - 2012 nhằm trả lời cho các câu hỏi trên.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Quế Võ là một huyện có điều kiện kinh tế khá phát triển so với các huyện khác trong tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, kết quả sản xuất nông nghiệp đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện. Một trong những nguyên nhân của hiện tượng đó là việc thực hiện các chính sách hỗ trợ nông nghiệp của Nhà nước địa bàn huyện còn nhiều

bất cập. Vì thế, Quế Võ được chọn làm điểm nghiên cứu.

2.2. Phương pháp thu thập tài liệu

Thông tin đã công bố về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện được thu thập từ các báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội, từ niên giám thống kê và từ các phòng chức năng như Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính và Thống kê.

Thông tin mới về tình hình thực hiện chính sách được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn các đối tượng có liên quan (dựa trên bộ câu hỏi bán cấu trúc) như lãnh đạo xã (6 người), lãnh đạo hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (10 người), các chủ trang trại (10 người) và chủ hộ nông dân (90 người) ở 3 xã Quế Tân, Bằng An và Việt Hùng.

2.3. Phương pháp phân tích

Phương pháp thống kê mô tả và so sánh được sử

dụng để phân tích sự thay đổi của các chính sách hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp của huyện. Ngoài ra, phương pháp so sánh được sử dụng còn nhằm phát hiện ảnh hưởng của cùng một chính sách đến các nhóm đối tượng khác nhau.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp được thực hiện trên địa bàn huyện Quế Võ

Song song với hàng loạt các chính sách mà Đảng và Chính phủ đã ban hành nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, trong những năm gần đây, UBND tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, nội dung của các chính sách chủ yếu được mô tả ở bảng 1. Nhìn chung, các chính sách và biện pháp hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp – nông thôn của tỉnh Bắc Ninh đều hướng vào việc khuyến khích nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật,

Bảng 1: Một số khoản mục hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh Bắc Ninh được thực hiện ở huyện Quế Võ giai đoạn 2010 - 2012

Hạng mục hỗ trợ	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Mức hỗ trợ (%)	Điều kiện được hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Điều kiện được hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Điều kiện được hỗ trợ
1. Giá giống lúa lai	50	Toàn bộ diện tích lúa lai	50	Toàn bộ diện tích lúa lai	50	Toàn bộ diện tích lúa lai
2. Giá giống lúa chất lượng cao	70	Quy mô 5 ha trở lên	70	Quy mô 5 ha trở lên	70	Quy mô 5 ha trở lên
3. Giá giống cây vụ đông (ngô)	100	Toàn bộ diện tích ngô lai	100	Toàn bộ diện tích ngô lai	70	Toàn bộ diện tích ngô lai
4. Giá giống rau và hoa	50-100	Toàn bộ diện tích trong 2 năm đầu và 3 năm tiếp theo	50-100	Toàn bộ diện tích trong 2 năm đầu và 3 năm tiếp theo	50	Diện tích trồng hoa và rau an toàn có quy mô 0,5ha trở lên
5. Hỗ trợ lãi suất mua giống bò sữa	100	Tổ chức cá nhân trực tiếp chăn nuôi	100	Tổ chức cá nhân trực tiếp chăn nuôi	100	Tổ chức cá nhân trực tiếp chăn nuôi
6. Giá giống thủy sản	70	Khảo nghiệm và nuôi thử	70	Khảo nghiệm và nuôi thử	50	Vùng nuôi tập trung 10ha trở lên

Nguồn: Tổng hợp từ Nghị quyết 132/2009/NQ-HĐND16, Quyết định 166/2010/QĐ-UBND, Nghị quyết 182/2010/NQ-HĐND16 và Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh

chuyển đổi vùng sản xuất, chuyển đổi cơ cấu sản xuất và phát triển cơ sở hạ tầng. Vì thế, theo cam kết của WTO thì các chính sách này thuộc nhóm “hộp xanh” – những can thiệp không bị ngăn cấm và “hộp vàng” – những can thiệp nhằm hạn chế sản xuất khi thừa cung hoặc chuyển đổi sản xuất (Nguyễn Hải Hoàng, 2011).

3.2. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Quế Võ

3.2.1. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ ngành trồng trọt

Đối với ngành trồng trọt, tỉnh đã thực hiện các hỗ trợ cho sản xuất giống lúa nguyên chủng, sản xuất giống cây rau màu và cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao; trợ giá giống lúa lai có năng suất cao, trợ giá giống lúa hàng hoá có chất lượng cao; hỗ trợ sản xuất cây trồng vụ đông; hỗ trợ quy hoạch vùng sản xuất hàng hoá tập trung; hỗ trợ vật tư, phân bón và công chi đạo sản xuất.

Ngoài các quy định về mức hỗ trợ theo quyết định của UBND tỉnh cho việc xây dựng vùng sản

xuất lúa có năng suất và chất lượng cao bao gồm: hỗ trợ 50% giá giống lúa lai, 70% giá giống lúa chất lượng cao; hỗ trợ công cho những người trực tiếp chỉ đạo sản xuất với mức 73.000 đồng/ha/vụ, huyện đã trích ngân sách hỗ trợ thêm 20% giá giống lúa lai, hỗ trợ nilon che phủ cho mạ vụ xuân với mức 0,7 kg nilon/1 kg thóc giống lúa lai (từ năm 2008 đến 2010); hỗ trợ 100% thuốc diệt chuột cho toàn bộ diện tích sản xuất của huyện, hỗ trợ kinh phí tập huấn và in tờ rơi hướng dẫn nông dân quy trình sản xuất lúa lai và phòng trừ sâu bệnh. Nhờ đó, diện tích gieo cấy lúa lai và lúa chất lượng cao của huyện tăng lên rất nhanh từ 10% tổng diện tích gieo cấy năm 2008 đến 62,2% năm 2010 và hơn 70% năm 2012.

Nội dung hỗ trợ cho phát triển cây vụ đông có giá trị kinh tế cao bao gồm: hỗ trợ 50% giá giống cho công tác khảo nghiệm, sản xuất thử giống cây mới, giống cây có giá trị kinh tế cao (danh mục giống cây được Sở Nông nghiệp và PTNT xác định từng vụ và hàng năm); hỗ trợ kinh phí bằng tiền tương đương 100 kg phân Kali/ha cây trồng vụ đông; những

Bảng 2: Kết quả thực hiện các hỗ trợ ngành trồng trọt ở huyện Quế Võ giai đoạn 2010 - 2012

Hạng mục hỗ trợ	ĐVT	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Số lượng	Giá trị (tr.đồng)	Số lượng	Giá trị (tr.đồng)	Số lượng	Giá trị (tr.đồng)
I. Giống lúa lai, lúa chất lượng cao							
<i>1. Kinh phí của tỉnh</i>							
1.1 Hỗ trợ giá giống	Kg						
- Lúa lai		125.183	3996,416	122.446	5.264,39	96.232	4.631,68
- Lúa chất lượng cao				27.312	396,86	12.210	225,04
1.2 Diện tích được hỗ trợ công chi đạo SX	Ha	4964,7	328,67	6.816	518,57	4.947	445,89
<i>2. Kinh phí của huyện</i>							
- Hỗ trợ giá giống	Kg	112.234	1.477,59	Ngừng hỗ trợ			
- Thuốc diệt chuột	Kg	1.210	181,50	1.210	181,50	1.210	181,50
II. SX vụ đông (nguồn kinh phí tỉnh)							
1. Hỗ trợ sản xuất cà rốt	Ha	38,0	39,90				
2. Hỗ trợ sản xuất khoai tây	Ha	1.600	1.360,0				
3. Hỗ trợ sản xuất ngô lai	Kg			14.774	1.318,15	12.171	1.045,21
III. Tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật							
1. Cho sản xuất lúa	lớp	26	91,00	31	108,50	29	101,50
2. Cho sản xuất cây vụ đông	lớp	14	49,00	12	42,00	16	56,00

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Phòng NN&PTNT, Tài chính - kế hoạch, Trạm khuyến nông, Trạm bảo vệ thực vật huyện Quế Võ năm 2010, 2011, 2012.

người trực tiếp tham gia chỉ đạo sản xuất được hỗ trợ tiền công chỉ đạo bằng 1% mức lương tối thiểu/ha/vụ. Ngoài ra, từ năm 2008 tỉnh Bắc Ninh đã quyết định hỗ trợ tiền mua giống cho nông dân với mức 700.000 đồng/ha/vụ khoai tây đông và 1.050.000/ha/vụ cà rốt (Quyết định số 85 năm 2008); năm 2011 và 2012 mặc dù mức hỗ trợ của tỉnh cho các sản phẩm này tăng song huyện Quế Võ đã không hỗ trợ cho khoai tây và cà rốt nữa nguyên nhân là do các xã có diện tích trồng khoai tây vụ đông lớn như Việt Hùng, Quế Tân và Nhân Hòa bị thu hồi đất cho xây dựng khu công nghiệp Quế Võ số 3, Quốc lộ 18B và đường sắt Lim - Phả Lại. Bên cạnh đó, chi phí sản xuất cao, thời tiết không thuận lợi và khó tiêu thụ sản phẩm cũng là những yếu tố cản trở sự phát triển của cây vụ đông.

Nguồn kinh phí và mức kinh phí dành cho tập huấn chuyển giao kỹ thuật có sự thay đổi khá lớn qua các năm và giữa các đơn vị tổ chức. Các lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật theo chương trình của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh được hỗ trợ 3,5 triệu đồng/lớp với quy mô từ 100 đến 120 học viên. Các lớp tập huấn do Hội nông dân và Hội phụ nữ tổ chức được hỗ trợ 2 triệu đồng/lớp (chủ yếu trích từ ngân sách của huyện), trong khi đó các lớp do Đoàn thanh niên huyện tổ chức được cấp kinh phí 5 triệu đồng/lớp từ Tỉnh đoàn. Trong 3 năm từ 2010 đến 2012, huyện Quế Võ đã tổ chức được 128 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật ngành trồng trọt cho

12.840 lượt nông dân với những nội dung chủ yếu là quy trình và kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho lúa lai và lúa chất lượng cao, kỹ thuật sản xuất khoai tây giống mới.

3.2.2. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ ngành chăn nuôi

Sau nhiều năm triển khai chính sách hỗ trợ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, huyện Quế Võ mới chỉ đưa một số nội dung của chính sách vào thực hiện như: trợ giá giống lợn nái ngoại, trợ giá giống lợn siêu nạc, hỗ trợ vacxin và công tiêm phòng dịch bệnh. Phần lớn các chính sách này được thực hiện kịp thời trên địa bàn huyện nên đã góp phần khống chế các dịch bệnh xảy ra và hạn chế thiệt hại cho người chăn nuôi. Các trang trại và hộ chăn nuôi được nhận hỗ trợ vacxin phòng lở mồm long móng, phòng dại và phòng cúm gia cầm. Bảng 3 cho thấy, năm 2010 huyện đã nhận và tổ chức tiêm phòng được 607.357 liều vacxin các loại cho đàn gia súc, gia cầm. Tổng kinh phí dành cho công tác phòng dịch trên địa bàn huyện năm 2010 là 1.371,05 triệu đồng; trong đó kinh phí của tỉnh hỗ trợ là chiếm 92%, huyện chỉ 8% kinh phí cho công phun hóa chất và công tiêm phòng vacxin. Kinh phí hỗ trợ cho lĩnh vực chăn nuôi của huyện giảm mạnh qua các năm do tổng đàn gia súc, gia cầm của huyện có xu hướng giảm.

Việc tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật cho hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện Quế Võ được giao cho

Bảng 3: Kết quả hỗ trợ cho lĩnh vực chăn nuôi của huyện Quế Võ giai đoạn 2010 - 2012

Danh mục hỗ trợ	ĐVT	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Số lượng	Giá trị (tr.đồng)	Số lượng	Giá trị (tr.đồng)	Số lượng	Giá trị (tr.đồng)
1. Trợ giá giống lợn							
- Lợn siêu nạc	Con	1.000	225,00	284	56,80	0	0
- Giống lợn nái ngoại	Con	40	109,20	0	0	0	0
2. Hỗ trợ phòng dịch							
2.1 Hỗ trợ tiền mua vacxin	liều	607.357	909,36	59.999	80,83	0	0
2.2 Hỗ trợ công tiêm phòng	liều	607.357	119,69	35.554	35,54	40.000	90,00
2.2 Hỗ trợ khử trùng			342,00		0		0
3. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật chăn nuôi	lớp	5	17,50	8	32,00	6	24,00

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Phòng NN&PTNT, Trạm thú y Quế Võ năm 2010, 2011, 2012.

Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Chi cục thú y, Chi cục chăn nuôi tỉnh thực hiện. Trong 3 năm (2010 – 2012) tỉnh đã chi 73,5 triệu đồng từ ngân sách để tổ chức 19 lớp tập huấn cho gần 2.000 lượt học viên.

Theo quy định của UBND tỉnh, các cơ sở sản xuất chỉ nhận được hỗ trợ cho hoạt động chăn nuôi khi đáp ứng yêu cầu về số đầu con tối thiểu, cụ thể là 20 lợn nái ngoại thuần hoặc 50 lợn nạc thương phẩm, có thể nói quy định này đã làm cho chính sách trợ giá giống lợn của tỉnh rất khó thực hiện đối với hộ chăn nuôi nhỏ lẻ. Số liệu điều tra cho thấy, các hộ chăn nuôi không hưởng ứng với các giống lợn mới nên năm 2011 hỗ trợ của huyện cho giá lợn giống giảm mạnh so với năm 2010 và đến năm 2012 thì không còn hỗ trợ cho khoản mục này nữa. Tuy nhiên, cả hai nhóm trang trại và hộ nông dân đều đánh giá cao chính sách hỗ trợ cho phòng dịch của huyện, 100% trang trại và 93,3% hộ nông dân được phun hóa chất khử trùng tiêu độc hàng năm.

3.2.3. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ ngành thủy sản

Nội dung của chính sách hỗ trợ cho ngành thủy sản của huyện gồm: hỗ trợ kinh phí cho việc điều tra, khảo sát, thiết kế quy hoạch và lập dự án; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hỗ trợ kinh phí xây dựng các cơ sở hạ tầng vùng được quy hoạch gồm xây dựng cống chính, trạm bơm cục bộ, đường điện chính và trạm điện; hỗ trợ lệ phí chuyển đổi ruộng đất.

Huyện Quế Võ đã thực hiện đề án chuyển đổi đồng ruộng sang nuôi trồng thủy sản từ năm 2003 đến năm 2008. Sau 5 năm thực hiện, đến nay tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của huyện là 1.011 ha; trong đó diện tích chuyển đổi là 686 ha, diện tích tự nhiên là 325 ha. Từ năm 2008 đến nay, huyện không có chủ trương mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản nữa mà chỉ tập trung đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất và hiệu quả sản xuất trên diện tích hiện tại.

Từ năm 2008 đến năm 2010, huyện Quế Võ đã được tỉnh phê duyệt hỗ trợ cho 5 dự án chuyển đổi đất lúa sang nuôi trồng thủy sản với kinh phí đến gần 2 tỷ đồng. Tuy nhiên, lượng kinh phí hỗ trợ này là rất thấp so với nhu cầu đầu tư của huyện. Về phía huyện, do diện tích ruộng trồng chuyển sang mô hình nuôi trồng thủy sản manh mún nên việc quy hoạch thành một vùng sản xuất tập trung có diện tích bảo đảm đủ điều kiện để được nhận hỗ trợ là rất khó khăn. Về phía tỉnh, để có đủ điều kiện được nhận hỗ trợ thì các chủ trang trại phải lập dự án và được sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền, trong khi công việc này lại liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành khác nhau điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ xét duyệt hỗ trợ.

Ngoài hỗ trợ cho việc chuyển đổi mô hình, tỉnh còn quyết định hỗ trợ 50% giá giống thủy sản mới và giống có giá trị kinh tế cao, hỗ trợ 100% kinh phí để tập huấn, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật nuôi trồng thủy sản cho nông dân. Mặc dù đã được triển

Bảng 4: Kết quả hỗ trợ cho nuôi trồng thủy sản huyện Quế Võ giai đoạn 2010 - 2012

Danh mục hỗ trợ	ĐVT	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Số lượng	Giá trị tr.đồng	Số lượng	Giá trị tr.đồng	Số lượng	Giá trị tr.đồng
1. Hỗ trợ xây dựng hạ tầng vùng NTTS	khu	02	1.000,0	0	0	0	0
2. Hỗ trợ giống							
- Cá rô phi đơn tính	con	1.000.000	350,00	1.048.250	526,93	791.700	562,32
- Cá chim trắng	con	200.000	75,00	225.035	128,13	99.100	75,89
- Cá chày mắt đỏ	con	20.000	30,00	0	0	0	0
- Chép lai	con			417.100	278,31	97.500	96,74
- Trắm cỏ	con			0	0	59.028	62,38
3. Hỗ trợ tập huấn	lớp	5	17,50	6	18,00	8	22,00

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Phòng Nông nghiệp & PTNT Quế Võ năm 2010, 2011, 2012.

khai thực hiện hơn 3 năm, nhưng lượng kinh phí dành cho trợ giá thủy sản còn rất thấp so với nhu cầu thực tế của người dân. Nguyên nhân là do tính chỉ trợ giá cho các loại cá giống có trong danh mục của Sở Nông nghiệp và PTNT quy định, song phần đông các hộ nuôi trồng thủy sản không nhận hỗ trợ để nuôi các giống cá đó vì họ cho rằng hiệu quả sản xuất không cao. Sự khác biệt giữa danh mục giống cá được hỗ trợ của tỉnh với các giống cá mà phần lớn nông dân đang sản xuất đã làm cho cung và cầu hỗ trợ không gặp được nhau.

Tương tự như ngành trồng trọt và chăn nuôi, huyện cũng hỗ trợ cho công tác tập huấn, đào tạo nghề cho các chủ hộ và trang trại nuôi trồng thủy sản. Trong 3 năm (2010 – 2012) huyện đã tổ chức được 19 lớp tập huấn cho 1.500 lượt người tham gia và 2 lớp đào tạo nghề nuôi trồng thủy sản với thời gian 06 tháng/lớp cho 116 học viên là các chủ trang trại, hộ nuôi trồng thủy sản.

3.3. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ nông nghiệp ở huyện Quế Võ

Việc đánh giá chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp được chúng tôi nghiên cứu dựa trên các quan điểm của nhóm triển khai chính sách (gồm cán bộ huyện, cán bộ xã) và của nhóm đối tượng được hưởng lợi trực tiếp từ chính sách (các hộ và trang trại).

3.3.1. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ nông nghiệp của nhóm cán bộ triển khai

Theo đánh giá của hầu hết cán bộ cấp huyện và cấp xã, nhờ có chính sách hỗ trợ, số hộ trồng lai và lúa chất lượng cao cũng như diện tích gieo trồng 2 loại lúa này tăng nhanh. Năng suất lúa của huyện cũng có xu hướng tăng, vì vậy đã góp phần ổn định sản lượng lúa của huyện trong điều kiện diện tích canh tác bị thu hẹp. Đối với cây vụ đông, huyện đã hình thành được các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung có hiệu quả; số hộ trồng và diện tích cây vụ đông có giá trị hàng hóa cao như khoai tây, cà rốt tăng. Diện tích rau năm 2012 đạt 4400 ha, tăng 100 ha so với năm 2011, trong khi diện tích ngô đạt hơn 2000 ha năm 2012, tăng gần 700 ha so với 2011 (Nguyễn Tuấn, 2012).

Tác động tích cực của chính sách hỗ trợ chăn nuôi là đã làm tăng quy mô chăn nuôi, tăng chu kỳ và hiệu quả chăn nuôi của hộ. Việc được hỗ trợ toàn bộ vacxin và công tiêm phòng đã giúp hộ yên tâm đầu tư mở rộng sản xuất, do đó giá trị sản xuất

ngành chăn nuôi tăng đáng kể.

Đối với sản xuất thủy sản, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích mặt nước tăng lên; chủng loại và bộ giống cá đưa vào sản xuất phong phú hơn trước khiến hộ có nhiều lựa chọn khi quyết định đầu tư sản xuất; việc tiêu thụ sản phẩm sản xuất ra thuận lợi hơn, nhất là đối với những hộ có trang trại nằm trong vùng quy hoạch chuyển đổi.

Bên cạnh các tác động tích cực của chính sách đến nông nghiệp và nông thôn, các cán bộ triển khai chính sách ở cấp huyện và xã đều cho rằng chính sách hỗ trợ khi đưa vào thực hiện còn bộc lộ một số hạn chế như: thủ tục được nhận hỗ trợ phức tạp (22,6% số ý kiến của cán bộ huyện, 42,3% số ý kiến của cán bộ xã), hỗ trợ chậm so với thời vụ (33,3% số ý kiến của cán bộ huyện và 63,5% số ý kiến của cán bộ xã) và mức hỗ trợ thấp (28,3% số ý kiến của cán bộ huyện và 44,8% số ý kiến của cán bộ xã).

Tương tự, dưới quan điểm đánh giá của cán bộ huyện và cán bộ xã, chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi còn một số bất cập đó là: hộ chăn nuôi khó tiếp cận được chính sách do thủ tục phức tạp (30,7% số ý kiến của cán bộ huyện và 45,9% số ý kiến của cán bộ xã), quy định hỗ trợ chưa phù hợp (43,1% số ý kiến của cán bộ huyện và 42,6% số ý kiến của cán bộ xã).

Đối với chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản, cán bộ thực thi chính sách ở huyện và xã cho rằng khó khăn trong quá trình triển khai chính sách là thời vụ nuôi trồng thủy sản khắt khe, để bảo đảm thời vụ đòi hỏi hộ phải đưa con giống vào sản xuất từ cuối tháng 3, đầu tháng 4. Tuy nhiên, danh mục giống thủy sản được hỗ trợ và chi tiêu phân bổ kinh phí thường muộn hơn thời điểm đó. Các hộ đưa con giống vào sản xuất trước thời điểm công bố danh mục giống hỗ trợ do không được Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện giám sát, nghiệm thu vì vậy không được hưởng chính sách hỗ trợ.

3.3.2. Đánh giá của đối tượng hưởng lợi về chính sách hỗ trợ nông nghiệp

Đa số người dân hưởng lợi tại các địa phương đánh giá rất cao những kết quả đạt được của các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, mặc dù vậy các cơ sở sản xuất cũng cho rằng chính sách hỗ trợ còn nhiều hạn chế, cụ thể đối với chính sách hỗ trợ trồng trọt các hạn chế bao gồm: chủng loại cây vụ đông được hỗ trợ chưa đa dạng (55,3% số ý kiến); chất lượng giống lúa lai, lúa chất lượng cao không

Bảng 5: Đánh giá của đối tượng hưởng lợi về hạn chế của chính sách hỗ trợ cho ngành chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản

DVT:%

Diễn giải	Trang trại	Hộ nông dân
<i>1. Đối với chính sách hỗ trợ chăn nuôi</i>		
- Hộ chăn nuôi khó tiếp cận chính sách	69,1	75,7
- Chưa trợ giá thức ăn cho chăn nuôi	56,4	83,1
- Thủ tục hỗ trợ phức tạp	53,1	60,3
- Quy định hỗ trợ chưa phù hợp	60,3	79,2
<i>2. Đối với chính sách hỗ trợ NTTS</i>		
- Khó tiếp cận chính sách	-	65,4
- Chất lượng giống không bảo đảm	72,8	-
- Chủng loại cá giống không phù hợp	75,2	81,6
- Mức hỗ trợ thấp	76,9	69,3
- Đầu tư cơ sở hạ tầng kém hiệu quả	83,5	-

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

bảo đảm (45,1% số ý kiến); hỗ trợ cho cây vụ đông chậm so với thời vụ (69,8% số ý kiến); thiếu sự khảo sát trước khi triển khai chính sách (42,5% số ý kiến).

Thực tế điều tra cho thấy có một số quy định về điều kiện được nhận hỗ trợ của chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi chưa thực sự phù hợp với điều kiện sản xuất của hộ chăn nuôi, đặc biệt là các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ. Theo các hộ nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ thì bất cập của chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản là: mức hỗ trợ thấp, chủng loại cá giống được hỗ trợ chưa phù hợp và khó tiếp cận chính sách. Trong khi đó, các chủ trang trại lại cho rằng hạn chế đáng lưu ý nhất của chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản là: hiệu quả đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng nuôi thủy sản tập trung không cao; sau đó đến chất lượng cá giống không bảo đảm, chủng loại con giống được hỗ trợ chưa đa dạng và mức hỗ trợ thấp. Theo kết quả điều tra, chi phí sản xuất của một ha cá rô phi đơn tính vào khoảng 300 triệu đồng/ha/lứa trong đó chi phí giống chỉ chiếm khoảng 7% trong tổng chi phí vì vậy trang trại và hộ nuôi thủy sản nhỏ đều đề xuất tăng mức hỗ trợ con giống.

3.4. Đề xuất hoàn thiện quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ nông nghiệp ở huyện

Xuất phát từ những nhược điểm của các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp được thực hiện trên địa bàn huyện trong thời gian gần đây, cả nhóm

cán bộ triển khai chính sách và những người hưởng lợi đã có một số đề xuất về thứ tự ưu tiên và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh và huyện. Theo kết quả phỏng vấn, nhóm cán bộ huyện và cán bộ xã đề xuất ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng, trong khi nhóm hộ và trang trại đề nghị ưu tiên thực hiện chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Để nâng cao hiệu quả của các chính sách hỗ trợ, cùng với việc xếp loại thứ tự ưu tiên thực hiện các nội dung của chính sách, nhóm cán bộ triển khai chính sách và nhóm người hưởng lợi còn đưa ra các đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện. Đề xuất được tập trung chủ yếu vào các nội dung như: tăng cường hỗ trợ cho tiêu thụ sản phẩm, đơn giản hóa các thủ tục triển khai, kiểm soát chất lượng giống cây trồng, vật nuôi được hỗ trợ và quan tâm xử lý các vấn đề về môi trường sinh thái, đặc biệt là vấn đề xử lý ô nhiễm nguồn nước. Có thể nói những đề xuất về lĩnh vực ưu tiên cũng như những vấn đề cần hoàn thiện trong quá trình thực thi chính sách của các nhóm đối tượng là chính đáng và không vi phạm với các cam kết trong lĩnh vực nông nghiệp khi gia nhập WTO.

4. Kết luận

Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đã được triển khai thực hiện trên địa bàn huyện Quế Võ bao gồm: chính sách hỗ trợ sản xuất trồng trọt; chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi; chính sách hỗ trợ

Bảng 6: Đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả của chính sách hỗ trợ nông nghiệp trên địa bàn huyện Quế Võ

DVT:%

Nội dung đề xuất	Đối tượng đề xuất	
	Nhóm cán bộ triển khai chính sách	Nhóm người hưởng lợi
1. Những chính sách cần ưu tiên		
- Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi	78,5	83,8
- Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng	73,4	79,6
- Hỗ trợ nước sạch, vệ sinh môi trường	75,1	76,2
- Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	82,5	87,8
- Chính sách tín dụng ưu đãi	62,7	77,4
2. Đề xuất hoàn thiện chính sách		
- Đơn giản hóa các thủ tục hỗ trợ	62,1	
- Tăng mức hỗ trợ	60,7	75,7
- Đầu tư tập trung, tránh dàn trải	58,6	
- Kiểm soát chất lượng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng	53,4	
- Kiểm soát chất lượng giống cây trồng, vật nuôi được hỗ trợ	78,4	
- Triển khai chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm	80,6	
- Đầu tư nhiều hơn cho công tác xử lý ô nhiễm môi trường	79,4	

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

phát triển thủy sản. Các chính sách này đã mang lại nhiều tác động tích cực như: làm tăng diện tích gieo trồng lúa lai, lúa chất lượng cao; tăng diện tích cây vụ đông có giá trị hàng hóa cao; góp phần khuyến khích hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt; thúc đẩy các mô hình chăn nuôi tập trung phát triển, hiệu quả sản xuất chăn nuôi tăng lên; cơ sở hạ tầng các vùng chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản tập trung được đầu tư xây dựng; số hộ và trang trại nuôi thủy sản tăng; tăng sản lượng, giá trị sản xuất ngành thủy sản.

Mặc dù vậy, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Quế Võ vẫn còn tồn tại một số hạn chế đó là: (1) hiệu quả thực thi các chính sách này chưa cao; (2) mức hỗ trợ còn thấp và chưa đồng bộ; (3) thủ tục triển khai các chính sách hỗ trợ phức tạp; (4) việc thực hiện hỗ trợ một số hạng mục còn chậm, không đảm bảo thời vụ sản xuất; (5) vấn đề thị trường đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp vẫn bị bỏ ngỏ.

Đã có các nhóm giải pháp được đưa ra nhằm hạn

chế một số bất cập và nâng cao hiệu quả thực thi của các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Quế Võ bao gồm: tiến hành đầu tư, hỗ trợ đồng bộ và tăng cường công tác giám sát việc tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu quả của các chính sách; đơn giản hóa các thủ tục triển khai để người dân dễ dàng tiếp cận với các chính sách; quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với thị trường đầu ra của các sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, thời gian tới để nông nghiệp và nông thôn Quế Võ phát triển nhanh và bền vững, huyện cần phải thực hiện đồng bộ rất nhiều chính sách hỗ trợ, trong đó cần quan tâm chú trọng tới việc hỗ trợ nâng cao trình độ cho lao động nông nghiệp, nhằm giúp họ nâng cao được hiệu quả, năng suất và chất lượng sản phẩm, hạn chế rủi ro trong sản xuất; giúp cho một bộ phận lao động nông thôn có thể chuyển sang làm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản là những thế mạnh của địa phương. □

Tài liệu tham khảo:

- HĐND tỉnh Bắc Ninh (2009), *Nghị quyết số 132/2009/NQ-HĐND16 về việc sửa đổi, bổ sung quy định hỗ trợ phát triển nông nghiệp và hạ tầng nông thôn đến năm 2010 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*, ban hành ngày 23 tháng 04 năm 2009.
- HĐND tỉnh Bắc Ninh, *Nghị quyết số 182/2010/NQ-HĐND16 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 132/2009/NQ-HĐND16 ngày 23/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh và điều chỉnh, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng hạ tầng nông thôn, giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*, ban hành ngày 09/12/2010.
- Nguyễn Hải Hoàng (2011), “*Nghiên cứu tình hình thực thi chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của Nhà nước ở huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh*”, Luận văn thạc sỹ, Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Nguyễn Tuấn (2012), *Hiệu quả từ chính sách hỗ trợ sản xuất cây màu vụ đông*, truy cập ngày 20 tháng 03 năm 2013 từ http://baobacninh.com.vn/news_detail/75817/hieu-qua-tu-chinh-sach-ho-tro-san-xuat-cay-mau-vu-dong.html
- UBND tỉnh Bắc Ninh, *Quyết định số 85/2008/QĐ-UBND về việc ban hành “Quy định hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn đến năm 2010 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”*, ban hành ngày 02 tháng 06 năm 2008.
- UBND tỉnh Bắc Ninh, *Quyết định số 166/2010/QĐ-UBND về việc ban hành “Quy định hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn, giai đoạn 2011 – 2015 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”*, ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2010.
- UBND tỉnh Bắc Ninh, *Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND về việc ban hành “Quy định hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn, giai đoạn 2012 – 2015 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”*, ban hành ngày 31 tháng 05 năm 2012.

Assessing the performance of implementation of Bac Ninh province’s supporting policy for agriculture production in Que Vo district

Abstract:

Like other countries, government’s agricultural policies have played an important role in development of agriculture and rural economy in Vietnam. However, there are many problems that have been happened during the process of policy implementation. Based on data collected from different sources by several methods, this paper has shown that agricultural policies have significantly contributed to the development of agricultural sector in Que Vo district, Bac Ninh province. The positive influences of government’s policies are (i) increase of areas of high yield varieties rice; (ii) expanse of commercial annual crops in winter season; (iii) speeding up the structural change of agriculture in the trend of commercialization. Even though, some limitations that were investigated in policy implementation are: (i) complicated procedures; (ii) very low supportive amount (both in cash and in kind); and (iii) difficulty in accessibility to the policies.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Phương Lê**, tiến sĩ

- Nơi công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Đại học Nông nghiệp Hà Nội

- Hướng nghiên cứu: chính sách công, chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Asian Consortium, Chiang Mai International Journal of Social Sciences and Humanities (Đại học Chiang Mai, Thái Lan), Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Khoa học và Phát triển.

****Nguyễn Thị Hải Ninh**, thạc sỹ

- Nơi công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Đại học Nông nghiệp Hà Nội

- Hướng nghiên cứu: kinh tế môi trường và phân tích chính sách xã hội.